

Bản án số: 283/2022/HS-ST

Ngày: 28 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nguyệt và bà Nguyễn Hồng Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 281/2022/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Đỗ Văn T, sinh năm 1979 tại tỉnh ND; thường trú: Thôn NT, xã GN, huyện GT, tỉnh ND; tạm trú: Số 171/3B, khu phố BĐ, phường BH, thành phố TA, tỉnh BD; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; con ông Đỗ Văn B, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; có vợ tên Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1983 và 04 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2015; tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/12/2021 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Đặng Hoàng T1, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp BS, xã ĐLH, huyện ĐH, tỉnh LA; xin vắng mặt.

2. Ông Võ Chiêu H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp HH, xã ĐH, huyện G, tỉnh K; xin vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1981; có mặt.

2. Ông Trịnh Thành T2, sinh năm 1977; có mặt.

3. Ông Lâm Quang P, sinh năm 1986; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, bị cáo Đỗ Văn T vào làm nhân viên bảo vệ kho bãi tại chi nhánh Bình Dương của Công ty TNHH Thương mại vận tải cơ khí QT, địa chỉ: Khu phố BĐ, phường BH, thành phố TA, tỉnh BD do bà Đoàn Thị H làm Giám đốc (sau đây gọi tắt là Công ty QT). Do có quan hệ họ hàng nên bà H giao cho bị cáo T làm thêm việc hỗ trợ tư vấn và báo giá cho khách đến mua xe ô tô tại công ty. Đến năm 2019, bị cáo T có vay số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) của bạn bè dẫn đến nợ nần. Do cần tiền trả nợ nên bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của khách hàng đến mua xe theo phương thức tự giới thiệu xe ô tô đã qua sử dụng cho khách, yêu cầu khách đặt cọc rồi chiếm đoạt tiền đặt cọc của khách hàng mà không báo cáo với giám đốc công ty QT. Bị cáo T đã hai lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Ông Đặng Hoàng T1 có nhu cầu mua xe ô tô tải, được bạn bè giới thiệu ông T1 gọi điện thoại cho bị cáo T qua số 037.2744799 và được bị cáo T hẹn gặp tại công ty QT. Ngày 01/8/2019, ông T1 đến công ty QT thì được bị cáo T dẫn đến khu vực huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xem một xe ô tô tải nhãn hiệu Hino, trọng tải 15 tấn, biển kiểm soát 51C - 774.82 với giá 1.235.000.000 đồng. Sau đó bị cáo T và ông T1 về ngồi tại quán nước kế bên công ty QT để thỏa thuận về việc mua bán xe. Ông T1 đồng ý mua chiếc xe Hino biển kiểm soát 51C-774.82 thì bị cáo T yêu cầu đặt cọc trước số tiền 150.000.000 đồng để làm thủ tục. Ông T đã giao cho bị cáo T số tiền đặt cọc là 150.000.000 đồng, bị cáo T nhận tiền và có viết “Giấy nhận cọc mua bán xe tải Hino” và hẹn trong thời hạn 15 ngày sẽ hoàn tất thủ tục vay trả góp tại ngân hàng và bàn giao xe, trường hợp Ngân hàng không hỗ trợ cho vay thì bị cáo T sẽ trả lại số tiền đã nhận.

Đến ngày hẹn nhưng không thấy bị cáo T giao xe, ông T1 đã nhiều lần gọi điện thoại cho bị cáo T qua số 0372.744.799. Tuy nhiên, bị cáo T chỉ hứa hẹn mà không thực hiện việc giao xe. Đến ngày 03/9/2019, bị cáo T gọi điện thoại yêu cầu ông T1 đưa thêm số tiền 50.000.000 đồng để hoàn tất hồ sơ sang tên chủ sở hữu, ông T1 đồng ý và đã chuyển khoản cho bị cáo T qua tài khoản ngân hàng Agribank số 5592205204004 đứng tên bị cáo T. Đến ngày 05/12/2019, ông T1 vẫn không nhận được xe nên đến công ty QT thì biết được bị cáo T đã bỏ trốn nên ngày 09/12/2021, ông T1 nộp đơn đến Công an phường Bình Hòa, thành phố Thuận An tố cáo. Tổng số tiền bị cáo T chiếm đoạt của ông T1 là 200.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 10/11/2019, ông Võ Chiêu H đến công ty QT để tìm mua xe, sau khi xem một số xe tải tại công ty nhưng ông H không ưng ý. Bị cáo T đã cho ông H số điện thoại của mình và hẹn sau khi tìm được xe theo yêu cầu thì sẽ thông báo cho ông H. Ngày 12/11/2019, bị cáo T gửi qua Zalo cho ông H hình ảnh một chiếc xe tải nhãn hiệu Hino, trọng tải 6,4 tấn đời 2016, biển kiểm soát 29H-036.14 với giá 850.000.000 đồng đang ở tỉnh Đồng Tháp. Ngày 14/11/2019, bị cáo T hẹn gặp ông H tại quán cà phê kế bên công ty QT để thỏa thuận việc mua bán chiếc xe nêu trên. Bị cáo T yêu cầu ông H đặt cọc số tiền 150.000.000 đồng để thực hiện việc mua xe và làm thủ tục vay ngân hàng theo hình thức trả góp thì ông H đồng ý. Đến ngày 20/11/2019, tại quán cà phê Misa, địa chỉ: Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, ông H giao cho bị cáo T số tiền là 150.000.000 đồng. Bị cáo T và ông H lập “hợp đồng mua bán” bằng giấy tay có người làm chứng là ông Lâm Quang P, hẹn 20 ngày sau sẽ giao xe.

Đến ngày hẹn, ông H gọi điện thoại hỏi về việc giao xe thì bị cáo T yêu cầu ông H giao thêm số tiền 8.000.000 đồng để hoàn tất hồ sơ thì ông H đồng ý và chuyển khoản qua ngân hàng Agribank số tài khoản 5592205204004 đứng tên bị cáo T. Đến

ngày 12/12/2019, ông H vẫn không nhận được xe nên đến công ty QT hỏi thì được biết bị cáo T đã bỏ trốn nên làm đơn trình báo Công an phường Bình Hòa, thành phố Thuận An. Tổng số tiền bị cáo T chiếm đoạt của ông H là 158.000.000 đồng.

Cáo trạng số 277/CT-VKS.TA ngày 09/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đỗ Văn T mức hình phạt từ 09 (Chín) năm đến 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Bị cáo T đã sử dụng điện thoại di động và sim số 0372.744.799 làm phương tiện phạm tội nhưng sau khi phạm tội đã bán điện thoại và vứt bỏ sim số nên không thu hồi được.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại cho bị hại ông Đặng Hoàng T1 số tiền 200.000.000 đồng. Đối với bị hại ông Võ Chiêu H đã được bị cáo T trả lại số tiền 158.000.000 đồng nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Do đó, không đề nghị Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn T thừa nhận đã thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản như nội dung cáo trạng truy tố và đồng ý bồi thường cho ông Đặng Hoàng T1 số tiền 200.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị hại ông Đặng Hoàng T1 trình bày: Vào các ngày 01/8/2019 và 03/9/2019, bị cáo Đỗ Văn T đã có hành vi gian dối chiếm đoạt của ông số tiền 200.000.000 đồng. Do đó, ông T1 yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho ông số tiền 200.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị hại ông Võ Chiêu H trình bày: Vào các ngày 14/11/2019 và 20/11/2019 bị cáo Đỗ Văn T đã thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt của ông H số tiền 158.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo T đã trả lại cho ông số tiền nêu trên nên ông không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người làm chứng bà Đoàn Thị H và ông Trịnh Thành T2 trình bày: Ông bà là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty, trong đó bà H giữ chức vụ Giám đốc Công ty QT. Do quan hệ họ hàng nên ông bà nhận bị cáo T vào làm nhân viên bảo vệ và làm thêm việc hỗ trợ việc tư vấn và báo giá cho khách đến mua xe tại công ty. Tuy nhiên, mọi giao dịch liên quan đến việc mua bán xe phải

thông qua các bộ phận chức năng của công ty. Ông bà không biết việc bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông T1 và ông H.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của bản thân là phạm tội, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Lời khai của bị cáo thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận:

Vào các ngày 01/8/2019, 03/9/2019, 14/11/2019 và 20/11/2019 tại khu vực phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, bị cáo Đỗ Văn T đã thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại ông Đặng Hoàng T1 số tiền 200.000.000 đồng và của bị hại ông Võ Chiêu H số tiền 158.000.000 đồng, tổng cộng là 358.000.000đ (*Ba trăm năm mươi tám triệu đồng*).

Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên, vì mục đích tư lợi, thái độ coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo Đỗ Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Như vậy đủ căn cứ kết luận cáo trạng truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt: Xét thấy mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự và các điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Đỗ Văn T phải bồi thường cho bị hại ông Đặng Hoàng T1 số tiền 200.000.000 đồng.

Đối với bị hại ông Võ Chiêu H đã được bị cáo T trả lại 158.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Bị cáo T đã sử dụng điện thoại di động và sim số 0372.744.799 làm phương tiện phạm tội nhưng sau khi phạm tội đã bán điện thoại và vứt bỏ sim số, cơ quan điều tra không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội, bị kết án và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 106, 135, 136, 260, 290, 298, 299, 326, 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Các điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 09 (Chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/12/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải bồi thường cho bị hại ông Đặng Hoàng T1 số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi với mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Đỗ Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV05, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.Thuận An;
- Chi cục THADS TP.Thuận An;
- Công an TP.Thuận An;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, HSVA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Văn Hưng